1. **Bar chart** (Biểu đồ cột): Dùng để so sánh các giá trị khác nhau giữa các nhóm hoặc danh mục. Thích hợp khi muốn so sánh dữ liệu rời rạc hoặc có khoảng cách rõ ràng, chẳng hạn như doanh số bán hàng theo tháng.
2. **Bar-in-bar chart** (Biểu đồ cột lồng): So sánh hai tập dữ liệu khác nhau bằng cách lồng các thanh trong một biểu đồ. Dùng khi muốn thấy sự khác biệt giữa hai giá trị trong cùng một danh mục, chẳng hạn như kế hoạch so với thực tế.
3. **Divide group for bar chart** (Phân nhóm cho biểu đồ cột): Hiển thị một nhóm các thanh cột cho mỗi danh mục. Phù hợp khi muốn so sánh các nhóm con trong từng danh mục lớn hơn.
4. **Tree Map**: Hiển thị dữ liệu dạng hình chữ nhật theo dạng phân cấp. Dùng khi muốn biểu diễn phần trăm của tổng thể hoặc so sánh một số lượng lớn mục trong cùng một danh mục, chẳng hạn như tỷ lệ doanh thu của từng sản phẩm.
5. **Pie chart** (Biểu đồ tròn): Thể hiện tỷ lệ phần trăm của các thành phần trong tổng thể. Thích hợp cho dữ liệu có cấu trúc phân bố phần trăm hoặc tỷ lệ như phân bổ ngân sách hoặc thị phần.
6. **Area chart** (Biểu đồ vùng): Hiển thị sự thay đổi của dữ liệu theo thời gian và thể hiện tổng tích lũy. Thường được dùng khi muốn thấy xu hướng của dữ liệu và ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau theo thời gian.
7. **Bar chart 2** (Phiên bản khác của biểu đồ cột): Có thể là dạng cột ngang để phù hợp với các danh mục có tên dài hoặc để dễ so sánh hơn.
8. **Lines chart** (Biểu đồ đường): Dùng để thể hiện xu hướng của dữ liệu liên tục theo thời gian. Phù hợp khi muốn thấy sự thay đổi của dữ liệu theo thời gian, như tăng trưởng dân số hoặc doanh số hàng tháng.
9. **Heat map** (Bản đồ nhiệt): Sử dụng màu sắc để thể hiện mật độ hoặc mức độ của một chỉ số. Dùng trong phân tích dữ liệu lớn và phức tạp, như bản đồ biểu diễn mức độ tiêu thụ theo các vùng.
10. **Gantt chart** (Biểu đồ Gantt): Thường được dùng trong quản lý dự án để biểu diễn tiến độ công việc theo thời gian. Giúp theo dõi các nhiệm vụ và tiến độ của từng giai đoạn.
11. **Box-and-whisker plot** (Biểu đồ hộp và râu): Thể hiện sự phân bố và tóm tắt của dữ liệu qua các số liệu thống kê như trung vị, tứ phân vị và giá trị ngoại lai. Dùng trong phân tích dữ liệu để đánh giá mức độ phân tán và xác định các điểm bất thường.
12. **Histogram chart** (Biểu đồ tần suất): Biểu diễn tần suất phân bố của một tập dữ liệu. Thích hợp để thấy sự phân bố của dữ liệu theo từng khoảng, như độ tuổi, điểm số.
13. **Scatter plot** (Biểu đồ phân tán): Thể hiện mối quan hệ giữa hai biến bằng cách hiển thị các điểm dữ liệu. Dùng khi muốn xác định xu hướng và mối tương quan giữa hai yếu tố, chẳng hạn như chiều cao và cân nặng.
14. **Dual-Axis chart** (Biểu đồ trục kép): Cho phép hiển thị hai tập dữ liệu khác nhau trên cùng một biểu đồ nhưng với hai trục y khác nhau. Phù hợp khi so sánh hai biến có đơn vị hoặc quy mô khác nhau, như doanh thu và số lượng bán hàng.
15. **Combination chart** (Biểu đồ kết hợp): Kết hợp nhiều loại biểu đồ khác nhau (như biểu đồ cột và biểu đồ đường) trên cùng một trục x. Thích hợp khi muốn hiển thị các tập dữ liệu khác nhau và dễ so sánh xu hướng tổng thể.